

Số: 4393 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 5316/TTr-SNN ngày 27 tháng 12 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, Biên Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Chánh - Phó Chánh Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Hùng



PHỤ LỤC

**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐỒNG NAI**

(Kèm theo Quyết định số 4393 /QĐ-UBND ngày 31 /12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG	Phương thức thực hiện	Ghi chú
I	Hoạt động thuộc lĩnh vực Thủy sản		
1	Điều tra, quy hoạch thuộc lĩnh vực thủy sản.	Giao nhiệm vụ	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản.
2	Thông tin, thống kê, dự báo và ứng dụng công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực thủy sản.	Giao nhiệm vụ	
3	Hoạt động khảo nghiệm xác nhận chất lượng giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản.	Giao nhiệm vụ	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản; - Thông tư số 26/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

4	Bảo tồn, tái tạo giống gốc, quỹ gen các loài quý hiếm, đa dạng sinh học thủy sản	Giao nhiệm vụ	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;
5	Tư vấn dịch vụ khoa học kỹ thuật về thủy sản	Giao nhiệm vụ	- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản.
II	Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi		
1	Hướng dẫn sản xuất chăn nuôi	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	- Luật Thú Y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Luật chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội.
2	Đánh giá, giám sát, quản lý giống vật nuôi	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội.
3	Đánh giá, giám sát, quản lý thức ăn chăn nuôi	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	- Luật chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018; - Thông tư số 57/2012/TT-BNNPTNT ngày 07/11/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm các chất cấm thuộc nhóm Beta-agonist trong chăn nuôi. - Thông tư số 01/2016/TT-BNNPTNT ngày 15/02/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi Thông tư 57/2012/TT-BNNPTNT quy định việc kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm các chất cấm thuộc nhóm Beta-agonist trong chăn nuôi.
4	Đánh giá, giám sát quy trình sản xuất của	Giao nhiệm vụ/đặt	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của

	cơ sở chăn nuôi.	hàng	Quốc hội.
5	Bảo tồn giống gốc gia súc, gia cầm, thủy cầm.	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; Điểm d, Khoản 5, Điều 2 Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
6	Điều tra, thống kê thông tin lĩnh vực chăn nuôi.	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	- Luật Thú Y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội.
III	Dịch vụ Lĩnh vực Thú y		
1	Phòng, chống dịch bệnh động vật, thủy sản	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thú y. - Nghị định số 05/2007/NĐ-CP ngày 09/01/2007 của Chính phủ về phòng chống bệnh dại ở động vật.
2	Xây dựng vùng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thú y.
3	Kiểm dịch động vật, sản phẩm dịch vụ, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh Thú Y	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thú y.
4	Quản lý thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, trừ các	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	Nghị định số 47/2015/NĐ-CP ngày 14/05/2015 về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Nông Nghiệp và Phát triển

	sản phẩm xử lý, cải tạo về môi trường chăn nuôi.		nông thôn.
5	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn cho nhân viên chăn nuôi, thú y cấp xã và các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chăn nuôi, thú y trên địa bàn tỉnh.	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đầu thầu	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú Y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội 5; - Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội. - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội.
6	Tổ chức thực hiện các dịch vụ kỹ thuật chăn nuôi, thú y theo quy định của pháp luật.	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú Y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội.
7	Phối hợp tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế, xúc tiến thương mại về chăn nuôi, thú y theo quy định; nghiên cứu, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về chăn nuôi, thú y; thẩm định chuyên ngành các chương trình, dự án về chăn nuôi, thú y trên địa bàn theo quy định của pháp luật.	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú Y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội.
8	Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về chăn nuôi, thú y theo quy định của pháp luật. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y.	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	Nghị định số 47/2015/ND-CP ngày 14/05/2015 về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn.

IV	Dịch vụ lĩnh vực Trồng trọt và BVTV		
1	Điều tra, quy hoạch lĩnh vực trồng trọt	Giao nhiệm vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội. - Quyết định số 1006/QĐ-BNN-TT ngày 13/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành kế hoạch thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt năm 2014-2015 và giai đoạn 2016-2020.
2	Thống kê thuộc lĩnh vực trồng trọt	Giao nhiệm vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội.
3	Hoạt động khảo nghiệm xác nhận chất lượng giống cây trồng	Giao nhiệm vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; - Quyết định số 95/2007/QĐ-BNN ngày 27/11/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về công nhận giống cây trồng nông nghiệp mới.
4	Điều tra lĩnh vực bảo vệ thực vật	Đặt hàng/giao nhiệm vụ.	Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013 của Quốc hội.
5	Giám định sinh vật gây hại lạ, sinh vật là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam	Giao nhiệm vụ/đặt hàng.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013 của Quốc hội; - Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về kiểm dịch thực vật nội địa.
6	Khảo sát nhằm đưa ra biện pháp phòng trừ sinh vật hại thực vật bảo vệ sản xuất	Giao nhiệm vụ	Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013 của Quốc hội.

7	Đánh giá dịch bệnh, sâu bệnh	Giao nhiệm vụ	Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013 của Quốc hội.
8	Thống kê thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật	Giao nhiệm vụ	
9	Kiểm dịch thực vật theo phân cấp	Giao nhiệm vụ	
V	Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp		
1	Phòng cháy chữa cháy rừng	Giao nhiệm vụ/Đặt hàng	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
2	Khoán bảo vệ rừng	Đặt hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ NN và PTNT về Hướng dẫn thực hiện quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020; - Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp.
3	Quản lý bảo vệ rừng bền vững và Chứng chỉ rừng	Giao nhiệm vụ/Đặt hàng/Đầu thầu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; - Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; - Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018

			<p>quy định về quản lý rừng bền vững.</p> <p>- Quyết định số 4691/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc duyệt ban hành kế hoạch thực hiện đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.</p>
4	Quản lý bảo vệ rừng, phát triển cảnh quan các loại rừng, các loại đất khác xen kẽ trong khu rừng đặc dụng được giao.	Giao nhiệm vụ/Đặt hàng	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
5	Điều tra, thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng.	Giao nhiệm vụ/Đặt hàng/Đấu thầu	Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.
6	Bảo tồn, cứu hộ, bảo tàng, bảo quản mẫu thuộc lĩnh vực lâm nghiệp	Giao nhiệm vụ/Đặt hàng/Đấu thầu	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
7	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng và cải tạo rừng tự nhiên trồng mới rừng, trồng lại rừng, chăm sóc và nuôi dưỡng rừng trồng.	Giao nhiệm vụ/Đặt hàng/Đấu thầu	<p>- Điều 45 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội;</p> <p>- Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về biện pháp lâm sinh.</p>
8	Định giá rừng, khung giá rừng	Giao nhiệm vụ/Đặt hàng/Đấu thầu	<p>- Điều 90; 91 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội.</p> <p>- Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định</p>

			phương pháp định giá rừng; khung giá rừng.
9	Quản lý, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, khôi phục và bảo tồn nguyên vẹn hệ sinh thái, bảo tồn tính đa dạng sinh học của khu rừng đặc dụng.		- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội. - Nghị định số 156/2018/ND-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
VI	Dịch vụ khác		
1	Dịch vụ lĩnh vực Nông nghiệp khác		
1.1	Thống kê các lĩnh vực trong ngành nông nghiệp	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23/11/2015 của Quốc hội.
1.2	Xây dựng, biên soạn tài liệu, đào tạo, tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ khuyến nông, chăn nuôi, nuôi trồng Thủy sản cho cán bộ kỹ thuật cơ sở, cộng tác viên và nông dân.	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	Nghị định số 83/2018/ND-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông.
1.3	Thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra rà soát số chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông;	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	
1.4	Hướng dẫn xây dựng chương trình, tài liệu về nội dung, phương pháp hoạt động khuyến nông cho các cơ quan, đơn vị tham gia hoạt động khuyến nông	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	
1.5	Dịch vụ thông tin tuyên truyền về khuyến	Giao nhiệm vụ/đặt	Nghị định số 83/2018/ND-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018

	nông theo quy định của pháp luật;	hàng	của Chính phủ về khuyến nông.
1.6	Tổ chức và tham gia tổ chức các hội thi, hội thảo, hội trợ, triển lãm, diễn đàn, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm về khuyến nông.	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông.
1.7	Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn theo phân công;	Giao nhiệm vụ/đặt hàng.	<p>- Thông tư Liên tịch số 30/2012/TTLT-BLDTBXH-BNV-BNNPTNT-BCT-BTTTT ngày 12/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”</p> <p>- Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.</p>
1.8	Xây dựng và trình diễn các mô hình: Khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Nông nghiệp Hữu cơ; mô hình tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh nông nghiệp hiệu quả và bền vững và các mô hình điển hình sản xuất tiên tiến nhân ra diện rộng của các chương trình, đề án, dự án.	Giao nhiệm vụ/đặt hàng	<p>- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;</p> <p>- Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ;</p>

1.9	Tuyên truyền, tư vấn tập huấn những tiến bộ KHKT mới, chính sách, pháp luật, truyền nghề về kỹ năng sản xuất, tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chuyển giao các tiến bộ KHKT về sản xuất thuộc các lĩnh vực của ngành Nông nghiệp và PTNT;	Giao hàng	nhiệm vụ/đặt	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông.
1.10	Hợp tác quốc tế về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư	Giao hàng	nhiệm vụ/đặt	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông.
1.11	Hoạt động xúc tiến thương mại nông, lâm, thủy sản	Giao hàng	nhiệm vụ/đặt	Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế Xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.
1.12	Điều tra, quy hoạch các lĩnh vực phát triển nông thôn và chế biến	Giao hàng	nhiệm vụ/đặt	Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030.
2	Lĩnh vực Nước sạch và VSMTNT			
2.1	Dịch vụ thực hiện tổng thể và thành phần các chương trình dự án và về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại địa phương;	Giao thầu.	nhiệm vụ/Đầu	Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và VSNT đến năm 2020.

2.2	Dịch vụ truyền thông, phổ biến, giáo dục, vận động, hướng dẫn nhân dân bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng tiết kiệm nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn tại địa phương;	Giao nhiệm vụ	<p>Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia Nước sạch và VSMTNT giai đoạn 2012 – 2015.</p>
2.3	Thu thập, xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn phục vụ quản lý nhà nước theo quy định pháp luật.	Giao nhiệm vụ	<p>Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và VSNT đến năm 2020.</p>
2.4	Tổ chức hoặc tham gia tổ chức các hội thi, hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm, diễn đàn, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm, tập huấn về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo quy định của pháp luật.	Giao nhiệm vụ	<p>Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.</p> <p>Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 20/02/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý, vận hành, khai thác sử dụng các công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh</p>
2.5	Hỗ trợ tham gia thực hiện công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh tại địa phương về nước sinh hoạt và nước sạch nông thôn;	Giao nhiệm vụ	<p>- Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và VSNT đến năm 2020.</p>
2.6	Thi công xây lắp, sửa chữa, duy tu, nâng cấp và quản lý các công trình nước sạch nông thôn.	Giao nhiệm vụ/Dấu thầu	<p>- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.</p> <p>- Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 20/02/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý, vận hành, khai thác sử dụng các công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh.</p>
2.7	Quản lý, bảo vệ, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được giao.	Giao nhiệm vụ	

2.8	Phân tích, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định về chất lượng nước theo quy định pháp luật.	Giao nhiệm vụ	
2.9	Hợp tác quốc tế, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo quy định của pháp luật.	Giao nhiệm vụ	
2.10	Cập nhật kết quả theo dõi bộ chỉ số - đánh giá Nước sạch và VSMTNT tỉnh Đồng Nai theo quy định.	Giao nhiệm vụ	Quyết định số 4826/QĐ-BNN-TCTL ngày 08/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
2.11	Cung cấp lắp đặt thiết bị quan trắc tự động cho các công trình cấp nước trên địa bàn nông thôn.	Giao nhiệm vụ/Đầu thầu.	Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.
2.12	Theo dõi công tác đánh giá hiện trạng các công trình cấp nước sạch nông thôn.	Giao nhiệm vụ	Thông tư số 149/2015/TT-BTC ngày 23/9/2015 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và khai thác Phần mềm Quản lý tài sản là công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.
2.13	Thực hiện, quản lý các Chương trình, Đề án, Dự án cấp nước sạch nông thôn	Giao nhiệm vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch. - Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 20/02/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý, vận hành, khai thác sử dụng các công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh